

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/DS-ST
Ngày 12/12/2018
“V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Ông Siu Tơ Lul.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Nguyễn Gio L; Nơi đăng kí HKTT: 215 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: 5/30 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị Q; Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Huỳnh Thị Đ; Địa chỉ: 43 đường L, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đào Nguyễn Gio L trình bày như sau:

Ngày 23/5/2017, qua sự giới thiệu của bà Huỳnh Thị Đ, bà L đã cho bà Mai Thị Q vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích theo bà Q nói là để bà Q trả nợ

khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai, bà Q hẹn trong vòng 13 ngày sẽ trả tiền cho bà L. Việc vay tiền có bà Huỳnh Thị Đ chứng kiến, bà Đ là người giúp bà Q viết giấy vay tiền, sau khi đọc kỹ nội dung bà Q ký nhận và bà mới chuyển tiền để bà Q trả nợ khoản vay cho bà Q tại Ngân hàng.

Khi vay tiền, bà Q nói vay 500.000.000 đồng nhưng vì bà Q và bà Đ nói nhờ bà L làm thủ tục chuyển nhượng 05 m đất của bà Q cho ai đó nên bà giữ lại 10.000.000 đồng để làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Q. Vì vậy bà chỉ chuyển khoản 490.000.000 đồng cho bà Q vào tài khoản của bà Đ với nội dung trả tiền vay cho bà Mai Thị Q. Việc chuyển khoản này do bà Q, bà Đ nói bà chuyển khoản vào tài khoản của bà Đ. Bà có giấy nộp tiền đã cung cấp cho Tòa án.

Tuy nhiên sau khi bà Q trả tiền vay cho Ngân hàng xong và làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 702516 của bà Q thì bà Q không trả tiền cho bà L theo như cam kết tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/5/2017.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu bà Q phải trả tiền lãi đối với số tiền trên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Mai Thị Q trình bày như sau:

Trước đây bà Q và bà L không quen biết và không có quan hệ gì với nhau, bà Q gặp bà L lần đầu tiên vào ngày 23/5/2017 thông qua sự giới thiệu của bà Huỳnh Thị Đ. Nguyên nhân bà Đ giới thiệu bà Q với bà L là do thời điểm đó, khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch Phù Đồng mà bà Q cho bà Đ mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 702516 để thế chấp vay từ ngày 10/10/2011 đến hạn, bà Q không muốn cho bà Đ tiếp tục mượn tài sản để thế chấp nữa và yêu cầu bà Đ phải trả tiền cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà Q; nhưng do bà Đ không có tiền, nên bà Đ đã giới thiệu bà Q với bà L, mục đích để vay tiền của bà L trả khoản nợ vay của bà Đ để bà Đ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà Q. Việc trao đổi, thỏa thuận vay tiền với bà L đều do bà Đ thực hiện. Ngày 23/5/2017, bà Đ gọi điện cho bà Q đến nhà bà L, sau đó bà Đ viết giấy mượn tiền và yêu cầu bà Q ký vào giấy để lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng, bà có sự băn khoăn nhưng do bà Đ nói cứ ký để trả nợ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho Quynh nên bà Q ký, khi ký gần xong, bà đọc lại nội dung giấy vay tiền thì thấy nội dung ghi tôi là người mượn số tiền 500.000.000đ của bà L, do đó bà không đồng ý ký tiếp, lúc đó bà Đ mới ghi thêm vào giấy vay tiền nội dung bà Đ “chịu trách nhiệm về số tiền trên”, không có chữ “(làm chứng)” như trong giấy mượn tiền mà bà L đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án khi khởi kiện.

Bản thân bà chỉ ký nhận vào giấy mượn tiền nhằm mục đích là để bà Đ có tiền trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch Phù Đồng, xóa đăng ký thế chấp để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

bà Q. Bà Q không nhận tiền từ bà L và cũng không có tài khoản để bà L gửi tiền vào. Bà cũng không vay tiền của Ngân hàng hoặc của ai để phải mượn tiền của bà L để trả nợ. Trong việc này bà chỉ là người đứng ra ký nhận vào giấy vay tiền, nhưng thực chất việc vay tiền là do bà Huỳnh Thị Đ thực hiện, thỏa thuận với bà L, mục đích vay tiền cũng là để trả nợ số tiền bà Đ đã vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch Phù Đồng nhưng sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất của bà Q để thế chấp. Do đó bà Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà Q phải trả số tiền 490.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 23/5/2017.

Việc bà L chuyển khoản 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) vào tài khoản của bà Đ để bà rút bìa đỏ thì bà không biết. Bà Đ gọi điện nói bà lấy bìa đỏ về thì bà lên Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch Phù Đồng ký tên và lấy bìa đỏ về. Hiện bìa đỏ bà Q đang giữ. Việc bà Đ làm gì để bà Q lấy được bìa đỏ ra thì bà không biết.

Bà Q không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà không có vay nợ gì của bà L. Bà chỉ có chứng cứ là không vay tiền của Ngân hàng mà cho bà Đ mượn bìa đỏ vay tiền của Ngân hàng. Bà Q không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết người "*làm chứng*" vì chữ này do bà Đ ghi và ghi cùng ngày. Bà đã nghe Tòa án giải thích và thông báo về việc yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký cùng thời điểm hay không nhưng bà không yêu cầu.

Đối với giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của mang tên Mai Thị Q hiện nay bà L đang giữ nên bà Q yêu cầu bà L phải trả lại cho bà Q.

Giấy mượn tiền ngày 23/5/2017 là do bà Đ ghi và chỉ ghi 01 bản do bà L giữ, bà không giữ bản nào. Việc bà Đ và bà L vay mượn tiền thế nào bà không biết và không liên quan. Bà không đồng ý trả số tiền 490.000.000 đồng cho bà L, đây là việc của bà L và bà Đ. Số tiền 490.000.000 đồng này do bà Đ vay nên đề nghị bà L khởi kiện bà Đ. Bà Q không liên quan gì trong việc vay mượn này, bà yêu cầu bà L tìm bà Đ để đòi nợ. Bà không có yêu cầu gì đối với bà Đ. Bà Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và không đồng ý trả 490.000.000 đồng cho bà L.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ trình bày như sau:

Bà Q và Đức có quan hệ quen biết với nhau, bà Q nhờ bà Đ đứng tên vay giùm bà Q số tiền 450.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch Phù Đồng; khi vay bà Q dùng quyền sử dụng đất của bà Q để thế chấp. Khi đến hạn trả nợ, bà Q không có tiền trả nên bà Q có nhờ bà Đ và bà Đ đã giới thiệu bà L cho bà Q. Vào ngày 23/5/2017, bà Q có đến nhà bà L để vay số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, mục đích là để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp ra và chuyển nhượng cho người khác. Tại nhà bà L, bà Q nói chữ nghĩa kém nên đã nhờ bà Đ đứng ra viết hộ giấy mượn tiền, bà Q đã đọc kỹ trước khi ký vào giấy mượn tiền. Khi bà Q ký vào giấy mượn tiền, bà Đ là người chứng kiến và ký vào giấy mượn tiền với tư cách là

người có trách nhiệm làm chứng sự việc này. Bà Đ có ý kiến như sau: bà Q cho rằng bà Đ có trách nhiệm trả tiền cho bà L là không đúng, bà Q phải có trách nhiệm trả tiền cho bà L, theo như yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà Q. Ngoài ra bà Q có ý kiến, hiện bà L đang giữ giấy chứng minh và sổ hộ khẩu của gia đình bà Q nên yêu cầu bà L phải trả lại cho bà Q.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa về cơ bản đã đảm bảo các quy định của pháp luật. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án còn một số thiếu sót nhưng đã được khắc phục trước khi xét xử và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, đề nghị Thẩm phán, Thư ký Tòa án rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành tố tụng các vụ án khác.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Q phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 490.000.000 đồng, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc bà L phải trả lại 01 sổ hộ khẩu và 01 chứng minh nhân dân cho bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 05/6/2017, bà Đào Nguyễn Gio L có đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị Q trả nợ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Kèm theo Đơn khởi kiện, bà L đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Ngày 26/12/2017, nguyên đơn là bà L đã sửa đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị Q phải trả cho bà L số tiền 490.000.000 đồng, việc nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của bà Đào Nguyễn Gio L đầy đủ, đúng hình thức, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là bà Mai Thị Q có nơi cư trú tại Tổ dân phố 5, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn là bà Đào Nguyễn Gio L khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Mai Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, bà L đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án 01 “*Giấy mượn tiền đề ngày 23/5/2017*” có nội dung bà Q mượn của bà L 500.000.000 đồng, thời hạn trả là 13 ngày kể từ ngày 23/5/2018; và 01 giấy nộp tiền mặt ngày 23/5/2017 (liên 2) tại Ngân hàng Đầu tư Chi nhánh Gia Lai người hưởng Huỳnh Thị Đ, số tiền 490.000.000 đồng nội dung “*trả tiền vay cho Mai Thị Q*”, người nộp tiền là Đào Nguyễn Gio L; Sự việc bà Q đến nhà bà L vay tiền có bà Đ chứng kiến.

Bị đơn là bà Mai Thị Q không thừa nhận việc có vay của nguyên đơn là bà Đào Nguyễn Gio L số tiền 490.000.000 đồng vì bà không có quan hệ quen biết với bà L nên bà Q không thực hiện việc vay tiền như bà L khai tại phiên tòa. Bà Q thừa nhận chính bà là người ký vào “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 23/5/2017, tuy nhiên khi ký bà không đọc nội dung tại “*Giấy mượn tiền*”. Do bà Đ yêu cầu bà phải ký vào để lấy bìa đỏ về và bà Đ chịu trách nhiệm về số tiền trên, nên bà Q mới ký vào “*Giấy mượn tiền*” với mục đích lấy bìa đỏ đang thế chấp tại ngân hàng về. Sau khi bà Q ký vào “*Giấy mượn tiền*” bà L đã chuyển tiền cho bà Đ chứ không đưa tiền cho bà Q nên bà Q không đồng ý trả 490.000.000 đồng cho bà L, theo như yêu cầu khởi kiện của bà L.

Qua xem xét lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

“*Giấy mượn tiền*” đề ngày 23/5/2017 thể hiện nội dung: Ngày 23/5/2017 bà Q mượn của bà L 500.000.000 đồng, thời hạn trả là 13 ngày kể từ ngày 23/5/2018. Khi hai bên xác lập “*Giấy mượn tiền*” cả hai bên tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Hình thức giao dịch được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là bà Mai Thị Q. Do đó “*Giấy mượn tiền*” này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hai bên xác lập và không bị vô hiệu. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện giao dịch, bà L đã chuyển 490.000.000 đồng cho bà Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chứ không chuyển tiền cho bà Q và bà L cũng không chứng minh được việc bà L chuyển tiền cho bà Đ là thực hiện theo ý chí của bà Q. Do đó Hội đồng xét xử nhận định đây không phải là giao dịch vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự thì “Hợp đồng dân vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay”. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ về “thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự.

Xét tại “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 23/5/2017 có ghi số tiền mượn là 500.000.000 đồng nhưng các bên thỏa thuận chỉ chuyển 490.000.000 đồng theo giấy nộp tiền mặt ngày 23/5/2017 (liên 2) tại Ngân hàng Đầu tư Chi nhánh Gia Lai. Tại “*giấy mượn tiền*” thể hiện bà Q sẽ có trách nhiệm trả cho bà L toàn bộ số tiền mượn sau 13 ngày kể từ ngày mượn nhưng cho đến nay bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Mặc khác, nguyên đơn cho rằng việc chuyển

490.000.000 đồng cho bà Đ để bà Đ trả nợ Ngân hàng mục đích để bà Q lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại ngân hàng là phù hợp với lời khai của bà Đ, phù hợp với sự việc bà Q đã lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng, phù hợp với nội dung giao kết tại “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 23/5/2017.

Bà Q cho rằng khi bà kí vào “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 23/5/2017 bà chưa được đọc kĩ nội dung mà chỉ kí theo yêu cầu của bà Đ và cho rằng bà Q không có nghĩa vụ trả tiền cho bà L là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi hai bên xác lập “*Giấy mượn tiền*”, bà Q không có chứng cứ chứng minh việc mình kí vào “*Giấy mượn tiền*” là do bị ép buộc. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 280 và Điều 351 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Nguyễn Gio L. Buộc bị đơn bà Q phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà L số tiền 490.000.000 đồng.

Xét bà Q yêu cầu bà L trả lại 01 sổ hộ khẩu số 210178436 có tên chủ hộ là Mai Thị Q và 01 chứng minh nhân dân số 231183796 mang tên Mai Thị Q, cho bà Q là có căn cứ; mặc khác tại phiên tòa bà L thừa nhận đang giữ sổ hộ khẩu và chứng minh của bà Q và đồng ý trả lại các giấy tờ trên cho bà Q, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và buộc bà L phải trả lại 01 sổ hộ khẩu số 210178436 có tên chủ hộ là Mai Thị Q và 01 chứng minh nhân dân số 231183796 mang tên Mai Thị Q cho bà Q.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Đào Nguyễn Gio L được chấp nhận toàn bộ nên bà Mai Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Đào Nguyễn Gio L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 463, Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đào Nguyễn Gio L.

- Buộc bị đơn là bà Mai Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Đào Nguyễn Gio L số tiền 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

- Buộc bà Đào Nguyễn Gio L trả cho bà Mai Thị Q 01 sổ hộ khẩu số 210178436 có tên chủ hộ là Mai Thị Q và 01 chứng minh nhân dân số 231183796 mang tên Mai Thị Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Mai Thị Q phải chịu 23.600.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Nguyễn Gio L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đào Nguyễn Gio L số tiền tạm ứng án phí là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001429 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu HSVA (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ